



**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016*  
*đã được soát xét*

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016*  
*đã được soát xét*



**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	<b>2 – 3</b>
<b>Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ</b>	<b>4</b>
<b>Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét</b>	<b>5 – 27</b>
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9 – 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	11 – 27



## **CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM**

Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vinam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

#### **KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Vinam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015917 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 14 tháng 02 năm 2007. Công ty chuyển đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102174005 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 07 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là **32.500.000.000** đồng.

Hoạt động chính của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Lập hồ sơ dự thầu, phân tích, đánh giá hồ sơ dự thầu, thẩm tra thiết kế kỹ thuật, kỹ thuật thi công các dự án xây dựng;
- Lập, báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo tiền khả thi và báo cáo đầu tư các dự án;
- Lập, quản lý và tổ chức thực hiện các dự án đầu tư xây dựng;
- Vận chuyển hành khách theo đường bộ; Kinh doanh xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, thiết bị phục vụ ngành xây dựng;
- Xây dựng các công trình dân dụng; Xây dựng các công trình điện năng.

Trụ sở chính của Công ty theo Đăng ký doanh nghiệp số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ giao dịch của Công ty đặt tại tầng 6, phòng 601, số 180 Triệu Việt Vương, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

#### **TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 05 đến trang 27).

#### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2016 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Quang Thắng      Chủ tịch

Ông Nguyễn Văn Anh          Ủy viên

Bà Đinh Thị Kim Dung        Ủy viên

Bà Nguyễn Thị Hà            Ủy viên

Ông Nguyễn Trung Kiên      Ủy viên

Ông Nguyễn Việt Anh        Ủy viên

Bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2016

Miễn nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2016



## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)**

### BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Phạm Thế Anh	Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Sỹ	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Thành Long	Phó Giám đốc
Bà Phạm Thu Huyền	Kế toán trưởng

### KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định hiện hành có liên quan;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2016

**TM. Ban Giám đốc**

**Giám đốc**



**Phạm Thế Anh**





AASCN

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT  
NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO.,LTD

Số : 301./2016/BCSX-AASCN

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Vinam được lập ngày 15 tháng 8 năm 2016, từ trang 05 đến trang 27, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vinam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2016

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn  
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

**Phó Giám đốc**



**Bùi Ngọc Hà**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0662-2013-152-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>4.545.570.340</b>	<b>3.779.819.777</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>13.275.019</b>	<b>7.834.386</b>
1.	Tiền	111	V.01	13.275.019	7.834.386
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II.</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	<b>307.032</b>
1.	Chứng khoán kinh doanh	121	V.02	-	307.032
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>4.389.070.034</b>	<b>3.767.064.541</b>
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	3.119.829.026	2.663.529.026
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		22.000.000	514.961.371
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	3.347.753.581	2.774.135.725
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(2.100.512.573)	(2.185.561.581)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		-	-
1.	Hàng tồn kho	141		-	-
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>143.225.287</b>	<b>4.613.818</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		143.225.287	4.613.818
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

13  
 H  
 J  
 1  
 H  
 K  
 A  
 1



**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM**

Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>17.178.544.000</b>	<b>22.206.155.842</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>2.500.000.000</b>	<b>7.220.220.135</b>
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.03	-	4.720.220.135
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.04	2.500.000.000	2.500.000.000
6.	Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		-	<b>307.391.707</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	-	57.391.707
	- Nguyên giá	222		-	669.994.286
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		-	(612.602.579)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.08	-	250.000.000
	- Nguyên giá	228		-	250.000.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
<b>IV.</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V.</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.02</b>	<b>14.678.544.000</b>	<b>14.678.544.000</b>
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		14.678.544.000	14.678.544.000
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		-	-
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>21.724.114.340</b>	<b>25.985.975.619</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM**

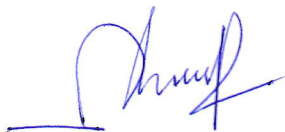
Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>305.211.183</b>	<b>3.208.462.662</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>305.211.183</b>	<b>3.208.462.662</b>
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.09	2.500.000	273.057.327
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	98.272.039	2.600.323.464
4.	Phải trả người lao động	314		-	-
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	159.346.188	289.988.915
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		45.092.956	45.092.956
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
<b>D.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>21.418.903.157</b>	<b>22.777.512.957</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.12</b>	<b>21.418.903.157</b>	<b>22.777.512.957</b>
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		32.500.000.000	32.500.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		32.500.000.000	32.500.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		2.600.000.000	2.600.000.000
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		195.900.595	195.900.595
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(13.876.997.438)	(12.518.387.638)
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(12.518.387.638)	(12.850.855.980)
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(1.358.609.800)	332.468.342
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>21.724.114.340</b>	<b>25.985.975.619</b>

Người lập biểu



Nguyễn Thị Linh

Kế toán trưởng



Phạm Thu Huyền

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2016

Giám đốc



Phạm Thế Anh



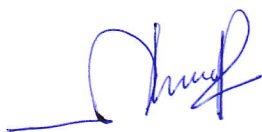
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-	-
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		-	-
4.	Giá vốn hàng bán	11		-	-
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		-	-
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.01	18.898	26.182
7.	Chi phí tài chính	22		-	-
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8.	Chi phí bán hàng	25		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.04	812.417.361	777.595.316
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<b>(812.398.463)</b>	<b>(777.569.134)</b>
11.	Thu nhập khác	31	VI.02	2.805.353.654	-
12.	Chi phí khác	32	VI.03	3.351.564.991	-
13.	Lợi nhuận khác	40		<b>(546.211.337)</b>	-
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<b>(1.358.609.800)</b>	<b>(777.569.134)</b>
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<b>(1.358.609.800)</b>	<b>(777.569.134)</b>
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.05	<b>(418)</b>	<b>(239)</b>
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.06	<b>(418)</b>	<b>(239)</b>

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2016

Người lập biểu

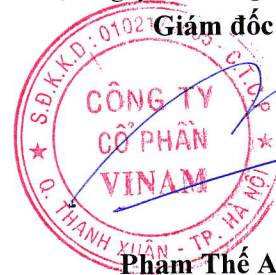


Nguyễn Thị Linh

Kế toán trưởng



Phạm Thu Huyền



Phạm Thế Anh



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.058.347.339	222.219.036
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(375.990.598)	(302.692.500)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(180.000.000)	(125.155.000)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		-	-
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		-	-
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		423.958.334	1.657.000.000
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(920.893.340)	(100.000.000)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>5.421.735</b>	<b>1.351.371.536</b>
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		-	-
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		18.898	26.182
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>18.898</b>	<b>26.182</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM**

Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(1.331.365.493)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>(1.331.365.493)</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>5.440.633</b>	<b>20.032.225</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>7.834.386</b>	<b>6.638.469</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>13.275.019</b>	<b>26.670.694</b>

Người lập biểu



Nguyễn Thị Linh

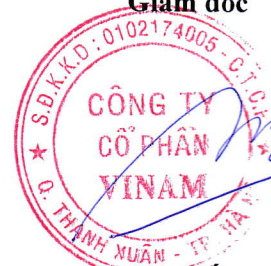
Kế toán trưởng



Phạm Thu Huyền

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2016

Giám đốc



Phạm Thế Anh

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**01. Hình thức sở hữu vốn**

Là Công ty cổ phần.

**02. Lĩnh vực kinh doanh**

Dịch vụ và xây lắp.

**03. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Lập hồ sơ dự thầu, phân tích, đánh giá hồ sơ dự thầu, thẩm tra thiết kế kỹ thuật, kỹ thuật thi công các dự án xây dựng;
- Lập, báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo tiền khả thi và báo cáo đầu tư các dự án;
- Lập, quản lý và tổ chức thực hiện các dự án đầu tư xây dựng;
- Vận chuyển hành khách theo đường bộ; Kinh doanh xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, thiết bị phục vụ ngành xây dựng;
- Xây dựng các công trình dân dụng; Xây dựng các công trình điện năng.

**04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

**05. Cấu trúc doanh nghiệp**

- Danh sách các công ty liên kết:

<b>Tên Công ty liên kết</b>	<b>Địa chỉ</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Lai Châu	Số nhà 557, đường Trần Hưng Đạo, Tổ 6, Phường Đoàn Kết, Thành Phố Lai Châu, Lai Châu

**06. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 có thể so sánh được với số liệu tương ứng cùng kỳ năm 2015.

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**01. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).



## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

#### 02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

#### 02. Các khoản đầu tư tài chính

##### *Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào liên kết được xác định theo giá gốc. Giá gốc bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư.

#### 03. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### 04. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### 05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

##### *Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình*

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.



## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

### *Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- |                             |                      |
|-----------------------------|----------------------|
| - Máy móc, thiết bị         | 6 – 10 năm           |
| - Quyền sử dụng đất lâu dài | Không trích khấu hao |

### **06. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### **07. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

### **08. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### **09. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.

## **V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

*Đơn vị tính: VND*

### **01. Tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	8.300.736	2.285.401
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.974.283	5.548.985
- Tiền đang chuyển	-	-
<b>Cộng</b>	<b>13.275.019</b>	<b>7.834.386</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM**

Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**02. Các khoản đầu tư tài chính****a. Chứng khoán kinh doanh**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
- Tổng giá trị cổ phiếu	-	-	307.032	429.000
+ Công ty Cổ phần vàng bạc đá quý Phú Nhuận	-	-	307.032	429.000
<b>Cộng</b>				

**b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>14.678.544.000</b>	<b>14.678.544.000</b>	<b>14.678.544.000</b>	<b>14.678.544.000</b>
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Lai Châu(*)	14.678.544.000	14.678.544.000	14.678.544.000	14.678.544.000
<b>Cộng</b>	<b>14.678.544.000</b>	<b>14.678.544.000</b>	<b>14.678.544.000</b>	<b>14.678.544.000</b>

(\*): Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 1.467.854 cổ phiếu, tương đương 20% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Lai Châu (số đầu năm là 1.467.854 cổ phiếu, tương đương 20% vốn điều lệ).



**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM**

Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**03. Phải thu của khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>3.119.829.026</b>	<b>2.663.529.026</b>
- Doanh nghiệp tư nhân thương mại dịch vụ nông sản Thanh Thúy	-	265.000.000
- Công ty Cổ phần xây dựng Phục Hưng Holding (XNK Phục Hưng)	324.438.726	324.438.726
- Công ty Cổ phần TTP Việt Nam (Trước đây là Công ty Cổ phần Khoáng sản Sinh Phát)	2.768.990.300	2.074.090.300
- Ông Lê Gio Linh	26.400.000	-
<b>b. Phải thu của khách hàng dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>4.720.220.135</b>
- Công ty Cổ phần Năng Lượng Hà Thành	-	793.347.339
- Công ty Cổ phần TTP Việt Nam (Trước đây là Công ty Cổ phần Khoáng sản Sinh Phát)	-	3.926.872.796
<b>Cộng</b>	<b>3.119.829.026</b>	<b>7.383.749.161</b>

**04. Phải thu về cho vay**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<b>Dài hạn</b>	<b>2.500.000.000</b>	<b>-</b>	<b>2.500.000.000</b>	<b>-</b>
- Ông Phạm Văn Minh	2.500.000.000	-	2.500.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.500.000.000</b>	<b>-</b>	<b>2.500.000.000</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM**Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**05. Phải thu khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>3.347.753.581</b>	-	<b>2.774.135.725</b>	<b>123.007.900</b>
- Tạm ứng	3.097.753.581	-	2.377.169.491	-
- Phải thu khác	250.000.000	-	396.966.234	123.007.900
+ Ông Phạm Văn Minh	-	-	73.958.334	-
+ Ông Lê Gio Linh	250.000.000	-	-	-
+ Phải thu khác	-	-	323.007.900	123.007.900
<b>Cộng</b>	<b>3.347.753.581</b>	-	<b>2.774.135.725</b>	<b>123.007.900</b>

**06. Nợ xấu**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
+ Công ty Cổ phần TTP Việt Nam (Trước đây là Công ty Cổ phần Khoáng sản Sinh Phát)	2.768.990.300	830.697.090	2.074.090.300	526.497.990
+ Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Tây Đô	-	-	514.961.371	-
+ Công ty cổ phần xây dựng Phục Hưng Holding (XNK Phục Hưng)	324.438.726	162.219.363	-	-
+ Đối tượng khác	-	-	123.007.900	-
<b>Cộng</b>	<b>3.093.429.026</b>	<b>992.916.453</b>	<b>2.712.059.571</b>	<b>526.497.990</b>

**Chi tiết tăng, giảm dự phòng trong kỳ:**

	Số đầu năm	Phát sinh tăng		Phát sinh giảm		Số cuối kỳ
		Số trích lập	Số xóa nợ	Số hoàn nhập	Số hoàn nhập	
<b>Đối tượng</b>						
+ Công ty Cổ phần TTP Việt Nam (Trước đây là Công ty Cổ phần Khoáng sản Sinh Phát)	1.547.592.310	390.700.900	-	-	-	1.938.293.210
+ Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Tây Đô	514.961.371	-	514.961.371	-	-	-
+ Công ty cổ phần xây dựng Phục Hưng Holding	123.007.900	162.219.363	-	-	-	162.219.363
+ Đối tượng khác	-	-	116.299.000	-	6.708.900	-
<b>Cộng</b>	<b>2.185.561.581</b>	<b>552.920.263</b>	<b>631.260.371</b>	<b>6.708.900</b>	<b>6.708.900</b>	<b>2.100.512.573</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM**

Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>			
<i>Số dư đầu năm</i>	669.994.286	-	669.994.286
- Mua trong kỳ	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(669.994.286)	-	(669.994.286)
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	-	-	-
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
<i>Số dư đầu năm</i>	612.602.579	-	612.602.579
- Khấu hao trong kỳ	44.285.310	-	44.285.310
- Thanh lý, nhượng bán	(643.872.161)	-	(643.872.161)
- Giảm khác	(13.015.728)	-	(13.015.728)
<i>Số dư cuối kỳ</i>	-	-	-
<b>III. Giá trị còn lại</b>			
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	57.391.707	-	57.391.707
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	-	-	-

**08. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>			
<i>Số dư đầu năm</i>	250.000.000	-	250.000.000
- Tăng khác	-	-	-
- Giảm khác	(250.000.000)	-	(250.000.000)
<i>Số dư cuối kỳ</i>	-	-	-
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
<i>Số dư đầu năm</i>	-	-	-
- Khấu hao trong kỳ	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	-	-	-
<b>III. Giá trị còn lại</b>			
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	250.000.000	-	250.000.000
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	-	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM**  
Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>09. Phải trả người bán</b>				
	2.500.000	2.500.000	273.057.327	273.057.327
	-	-	234.893.483	234.893.483
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>				
- Công ty TNHH Phú Tài Lộc	2.500.000	2.500.000	38.163.844	38.163.844
- Tập chí tài chính	-	-	-	-
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	-	-	273.057.327	273.057.327
<b>Cộng</b>	<b>2.500.000</b>	<b>2.500.000</b>	<b>273.057.327</b>	<b>273.057.327</b>

**10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Giảm khác (*)	Số phải nộp cuối kỳ
- Thuế giá trị gia tăng	512.254.289	2.400.000	-	483.493.458	31.160.831
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.077.231.110	-	-	2.077.231.110	-
- Thuế thu nhập cá nhân	10.838.065	-	-	7.405.752	3.432.313
- Thuế tài nguyên	-	-	-	-	-
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	3.000.000	-	-
- Các loại thuế khác	-	3.000.000	-	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	63.678.895	-	-	63.678.895
<b>Cộng</b>	<b>2.600.323.464</b>	<b>69.078.895</b>	<b>3.000.000</b>	<b>2.568.130.320</b>	<b>98.272.039</b>

(\*) Là khoản thuế phải nộp ghi nhận trước năm 2011, điều chỉnh giảm sau khi có kết quả kiểm tra của cơ quan thuế về kiểm tra thuế từ năm 2011 đến năm 2015.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM**

Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**11. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Ngắn hạn</i>	<i>159.346.188</i>	<i>289.988.915</i>
- Kinh phí công đoàn	-	-
- Bảo hiểm xã hội	133.011.816	214.633.961
- Bảo hiểm y tế	23.238.787	24.950.119
- Bảo hiểm thất nghiệp	3.095.585	3.095.585
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	47.309.250
<b>Cộng</b>	<b><u>159.346.188</u></b>	<b><u>289.988.915</u></b>

88  
NH  
TY  
C  
PH  
H  
C

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM**Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**12. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	32.500.000.000	2.600.000.000	195.900.595	(12.850.855.980)	22.445.044.615
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	332.468.342	332.468.342
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	32.500.000.000	2.600.000.000	195.900.595	(12.518.387.638)	22.777.512.957
<b>Số dư đầu năm nay</b>	-	-	-	-	-
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	(1.358.609.800)	(1.358.609.800)
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận kỳ này	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	32.500.000.000	2.600.000.000	195.900.595	(13.876.997.438)	21.418.903.157



**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM**

Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Vốn góp của Nhà nước	-	-	-	-
Vốn góp của các cổ đông khác:	32.500.000.000	100	32.500.000.000	100
<b>Cộng</b>	<b>32.500.000.000</b>	<b>100</b>	<b>32.500.000.000</b>	<b>100</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	32.500.000.000	32.500.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	32.500.000.000	32.500.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**d. Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.250.000	3.250.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.250.000	3.250.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.250.000	3.250.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.250.000	3.250.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.250.000	3.250.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

**e. Các quỹ của Công ty**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	195.900.595	195.900.595
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
<b>Cộng</b>	<b>195.900.595</b>	<b>195.900.595</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM**

Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH***Đơn vị tính: VND***01. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</b>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	18.898	26.182
<b>Cộng</b>	<b>18.898</b>	<b>26.182</b>

**02. Thu nhập khác**

	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</b>
- Điều chỉnh giảm thuế phải nộp ghi nhận từ trước năm 2011 sau khi có kết quả kiểm tra của cơ quan thuế về kiểm tra thuế từ năm 2011 đến năm 2015 (xem Thuyết minh V.10)	2.709.004.449	-
- Xử lý nợ không phải trả	83.333.477	-
- Các khoản thu nhập khác	13.015.728	-
<b>Cộng</b>	<b>2.805.353.654</b>	<b>-</b>

**03. Chi phí khác**

	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</b>
- Lỗ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	2.122.125	-
- Điều chỉnh giảm giá tài sản nhượng bán, thanh lý từ các năm trước	3.231.972.796	-
- Các khoản phạt theo biên bản thanh tra thuế	66.168.828	-
- Khấu hao máy móc, thiết bị không phục vụ hoạt động SXKD	44.285.310	-
- Chi phí khác	7.015.932	-
<b>Cộng</b>	<b>3.351.564.991</b>	<b>-</b>

**04. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	180.000.000	141.220.000
- Chi phí vật liệu quản lý	-	-
- Chi phí đồ dùng văn phòng	-	-
- Chi phí khấu hao TSCĐ	-	48.451.974
- Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	-
- Chi phí dự phòng	546.211.363	539.412.660
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	83.205.998	-
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	-	48.510.682
<b>Cộng</b>	<b>812.417.361</b>	<b>777.595.316</b>



Đơn vị tính: VND

**05. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	(1.358.609.800)	(777.569.134)
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(1.358.609.800)	(777.569.134)
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.250.000	3.250.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<u><b>(418)</b></u>	<u><b>(239)</b></u>

**06. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	(1.358.609.800)	(777.569.134)
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(1.358.609.800)	(777.569.134)
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.250.000	3.250.000
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<u><b>(418)</b></u>	<u><b>(239)</b></u>

**07. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	-
- Chi phí nhân công	180.000.000	141.220.000
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	48.451.974
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	546.211.363	539.412.660
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	83.205.998	48.510.682
- Chi phí khác bằng tiền	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<u><b>812.417.361</b></u>	<u><b>777.595.316</b></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM**

Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Không có thông tin.

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2016 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**02. Giao dịch với các bên liên quan****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</u>
<b>Kế toán trưởng</b>		
- Hoàn tiền tạm ứng	-	1.630.000.000
<b>Ban Giám đốc</b>		
- Hoàn tiền tạm ứng	150.000.000	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Ban điều hành</b>		
+ Tạm ứng	1.300.000.000	2.047.302.629
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<u>1.300.000.000</u>	<u>2.047.302.629</u>

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</u>
Tiền lương, phụ cấp	78.600.000	54.245.910
<b>Cộng</b>	<u>78.600.000</u>	<u>54.245.910</u>

**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng Lượng Việt Nam	Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Lai Châu	Công ty liên kết
Trường trung cấp nghề Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp Hòa Bình	Hình thành từ hợp tác kinh doanh

Các nghiệp vụ khác phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</u>
<b>Trường trung cấp nghề Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp Hòa Bình</b>		
+ Cho vay không tính lãi	-	100.000.000
+ Thu tiền cho vay không tính lãi	-	27.000.000

Tại ngày 30/6/2016, không còn số dư công nợ với các bên liên quan khác.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM**Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**03. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>						
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.275.019	-	7.834.386	-	13.275.019	7.834.386
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.369.829.026	(2.100.512.573)	7.780.715.395	(2.185.561.581)	1.269.316.453	5.595.153.814
Phải thu về cho vay	2.500.000.000	-	2.500.000.000	-	-	307.032
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	307.032	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>5.883.104.045</b>	<b>(2.100.512.573)</b>	<b>10.288.856.813</b>	<b>(2.185.561.581)</b>	<b>1.282.591.472</b>	<b>5.603.295.232</b>

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả cho người bán	2.500.000	273.057.327	2.500.000	273.057.327
Vay và nợ	-	-	-	-
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	-	47.309.250	-	47.309.250
<b>Cộng</b>	<b>2.500.000</b>	<b>320.366.577</b>	<b>2.500.000</b>	<b>320.366.577</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM**

Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****04. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và cho vay).

**Phải thu khách hàng**

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

**Tiền gửi ngân hàng**

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**Các khoản cho vay**

Công ty cho cá nhân vay tiền. Công ty đánh giá các khoản cho vay này đều trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến các đơn vị có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

**05. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

Đơn vị tính: VND

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>				
Phải trả cho người bán	2.500.000	-	-	2.500.000
Vay và nợ	-	-	-	-
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.500.000</b>	-	-	<b>2.500.000</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả cho người bán	273.057.327	-	-	273.057.327
Vay và nợ	-	-	-	-
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	47.309.250	-	-	47.309.250
<b>Cộng</b>	<b>320.366.577</b>	-	-	<b>320.366.577</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

### 06. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

#### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

#### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

#### *Rủi ro về giá khác*

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

### 07. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 đã được soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

### 08. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2016

Người lập biểu



Nguyễn Thị Linh

Kế toán trưởng



Phạm Thu Huyền

Giám đốc



Phạm Thế Anh